

Số: ~~4917~~/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý nhà nước
của Sở Giao thông vận tải Hà Nội**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 962/TTr-SGTVT ngày 21/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 01 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.

Bãi bỏ 01 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử để phục vụ việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Quy trình nội bộ QT-01 tại Phụ lục 2 kèm theo Quyết định số 4375/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội hết hiệu lực.



Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực: TU, HDND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- VPUBTP: CVP, PVP C.N.Trang,
các phòng: ĐT, KSTTHC, THCB;
- Trung tâm báo chí thủ đô Hà Nội;
- Lưu: VT, KSTTHC(Quyển).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Sơn

Phụ lục 01
DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kèm theo Quyết định số ~~4917~~/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2023
của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

TT	Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
1.	Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	QT-01

Phụ lục 02
DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số ~~4917~~/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2023
của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

1. Quy trình Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (QT-01)

1	<p>Mục đích:</p> <p>Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới đường bộ.</p>
2	<p>Phạm vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân mang hồ sơ giấy tờ xe và đưa phương tiện đến kiểm định để Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới đường bộ. - Cán bộ, viên chức Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội thuộc Sở GTVT Hà Nội. - Cán bộ viên chức tại Bộ phận một cửa của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12/08/2021 của Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. - Thông tư số 02/2023/TT-BGTVT ngày 21/3/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12/8/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ - Thông tư số 08/2023/TT-BGTVT ngày 02/6/2023 của Bộ trưởng Bộ GTVT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới. - Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của

	<p>Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành, đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới</p> <p>- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.</p> <p>- Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.</p> <p>- Quyết định số 305/QĐ-BGTVT ngày 23/3/2023 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT.</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
3.2.1	<p>Đối với trường hợp phương tiện được miễn kiểm định lần đầu: Căn cứ hồ sơ do chủ xe cung cấp, kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ theo quy định:</p> <p>Tài liệu Xuất trình:</p> <p>Giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp</p> <p>Giấy biên nhận giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đang thể chấp của tổ chức tín dụng) hoặc Giấy hẹn cấp Giấy đăng ký</p> <p>Tài liệu nộp:</p> <p>Bản sao Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với xe cơ giới sản xuất, lắp ráp trong nước (trừ xe cơ giới thanh lý)</p> <p>- Bản cà số khung, số động cơ của xe</p>	<p>x</p> <p></p> <p>x</p> <p>x</p> <p>x</p>	<p></p> <p></p> <p>x</p> <p></p> <p></p>
3.2.2	<p>Đối với xe phải thực hiện kiểm định: Kiểm định tại Trung tâm Đăng kiểm: Tổ chức, cá nhân đưa xe cơ giới và các giấy tờ theo quy định đến đơn vị đăng kiểm để kiểm định</p>		

<i>Chủ xe phải khai báo thông tin và cung cấp giấy tờ sau đây để lập Hồ sơ phương tiện (trừ trường hợp kiểm định lần đầu để cấp Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định có thời hạn hiệu lực 15 ngày)</i>		
Tài liệu xuất trình:		
- Bản chính Giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;	X	
- Hoặc một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau: Giấy biên nhận giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đang thể chấp của tổ chức tín dụng (kèm theo bản sao đăng ký xe); Giấy hẹn cấp giấy đăng ký xe;		X
Tài liệu nộp:		
- Nộp giấy tờ chứng minh nguồn gốc phương tiện, gồm một trong các giấy tờ sau: Bản sao Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với xe cơ giới sản xuất, lắp ráp trong nước (trừ xe thanh lý);		X
- Bản chính Giấy chứng nhận chất lượng ATKY và BVMT xe cơ giới cải tạo (đối với xe cơ giới mới cải tạo) - Khai báo thông tin các thông tin tương ứng quy định tại Phiếu theo dõi hồ sơ - Thông tin về tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và địa chỉ trang thông tin điện tử quản lý thiết bị giám sát hành trình, camera đối với xe cơ giới thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình, camera; - Khai báo về việc kinh doanh vận tải vào Phiếu theo dõi hồ sơ theo mẫu	X	
<i>Đối với phương tiện Kiểm định định kỳ</i>		
Tài liệu xuất trình:		
Bản chính giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp	X	
hoặc một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau: Giấy biên nhận giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đang		X

	thế chấp của tổ chức tín dụng(kèm theo bản sao đăng ký xe); Giấy hẹn cấp giấy đăng ký xe		
	- Thông tin về tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và địa chỉ trang thông tin điện tử quản lý thiết bị giám sát hành trình, camera đối với xe cơ giới thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình, camera; - Khai báo về việc kinh doanh vận tải vào Phiếu theo dõi hồ sơ theo mẫu		
	<i>Tài liệu nộp:</i>		
	Bản chính Giấy chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT xe cơ giới cải tạo (đối với xe cơ giới mới cải tạo)	x	
3.2.3	<i>Kiểm định ngoài Trung tâm Đăng kiểm</i>		
	-Văn bản đề nghị nêu rõ lý do, địa điểm kiểm định ngoài Đơn vị đăng kiểm kèm theo danh sách xe cơ giới đề nghị kiểm định gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến Đơn vị đăng kiểm	x	
	<i>Tài liệu xuất trình:</i>		
	Bản chính giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp	x	
	hoặc một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau: Giấy biên nhận giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đang thế chấp của tổ chức tín dụng(kèm theo bản sao Đăng ký xe); Giấy hẹn cấp giấy đăng ký xe		x
	Thông tin về tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và địa chỉ trang thông tin điện tử quản lý thiết bị giám sát hành trình, camera đối với xe cơ giới thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình, camera; Khai báo về việc kinh doanh vận tải vào Phiếu theo dõi hồ sơ theo mẫu		
	<i>Tài liệu nộp</i>		
	Bản chính Giấy chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT xe cơ giới cải tạo (đối với xe cơ giới mới cải tạo)	x	

3.3	Số lượng hồ sơ										
	01 bộ										
3.4	Thời gian xử lý										
	<p>Trong ngày làm việc khi chủ xe nộp đủ giấy tờ kiểm định.</p> <p>Lưu ý: Đối với trường hợp kiểm định ngoài Trung tâm Đăng kiểm: Đơn vị đăng kiểm kiểm tra, xem xét đề nghị của chủ xe, nếu đúng đối tượng theo quy định và đủ điều kiện đường thử thì trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ xe, đơn vị đăng kiểm có văn bản thông báo cho chủ xe về thời gian kiểm tra. Trường hợp không đủ điều kiện đường thử thì có văn bản thông báo cho chủ xe và nêu rõ lý do. Chủ xe đưa xe đến địa điểm kiểm tra, đơn vị đăng kiểm tiến hành kiểm định xe cơ giới theo trình tự và cách thức thực hiện theo quy định như đối với kiểm định tại đơn vị đăng kiểm.</p>										
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả										
	<p>- Kiểm định tại Trung tâm Đăng kiểm:</p> <p>+ Trung tâm Đăng kiểm 3301S: Km 15-Quốc lộ 6-Phường Yên Nghĩa – Quận Hà Đông- Thành phố Hà Nội.</p> <p>+ Trung tâm Đăng kiểm 3302S: Phường Quang Trung-TX Sơn Tây-TP Hà Nội</p> <p>- Kiểm định ngoài Trung tâm Đăng kiểm: Tại địa điểm đề nghị của chủ phương tiện đảm bảo đủ điều kiện theo quy định.</p>										
3.6	Phí, lệ phí (theo quy định tại Thông tư 238/2016/TT-BTC; Thông tư số 55/2022/TT-BTC sửa đổi bổ sung Thông tư 238/2016/TT-BTC; Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022)										
	<p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: 1.000 đồng/xe</i></p> <table border="1" data-bbox="355 1549 1468 2038"> <thead> <tr> <th data-bbox="355 1549 422 1648">TT</th> <th data-bbox="422 1549 1348 1648">Loại xe cơ giới</th> <th data-bbox="1348 1549 1468 1648">Mức giá</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="355 1648 422 1848">1</td> <td data-bbox="422 1648 1348 1848">Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông trên 20 tấn, xe ô tô đầu kéo có khối lượng kéo theo cho phép tham gia giao thông trên 20 tấn và các loại xe ô tô chuyên dùng</td> <td data-bbox="1348 1648 1468 1848">570</td> </tr> <tr> <td data-bbox="355 1848 422 2038">2</td> <td data-bbox="422 1848 1348 2038">Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông trên 7 tấn đến 20 tấn, xe ô tô đầu kéo có khối lượng kéo theo cho phép tham gia giao thông đến 20 tấn và các loại máy kéo</td> <td data-bbox="1348 1848 1468 2038">360</td> </tr> </tbody> </table>		TT	Loại xe cơ giới	Mức giá	1	Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông trên 20 tấn, xe ô tô đầu kéo có khối lượng kéo theo cho phép tham gia giao thông trên 20 tấn và các loại xe ô tô chuyên dùng	570	2	Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông trên 7 tấn đến 20 tấn, xe ô tô đầu kéo có khối lượng kéo theo cho phép tham gia giao thông đến 20 tấn và các loại máy kéo	360
TT	Loại xe cơ giới	Mức giá									
1	Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông trên 20 tấn, xe ô tô đầu kéo có khối lượng kéo theo cho phép tham gia giao thông trên 20 tấn và các loại xe ô tô chuyên dùng	570									
2	Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông trên 7 tấn đến 20 tấn, xe ô tô đầu kéo có khối lượng kéo theo cho phép tham gia giao thông đến 20 tấn và các loại máy kéo	360									

3	Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông trên 2 tấn đến 7 tấn	330
4	Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông đến 2 tấn	290
5	Máy kéo, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và các loại phương tiện vận chuyển tương tự	190
6	Rơ moóc, sơ mi rơ moóc	190
7	Xe ô tô chở người trên 40 ghế (kể cả lái xe), xe buýt	360
8	Xe ô tô chở người từ 25 đến 40 ghế (kể cả lái xe)	330
9	Xe ô tô chở người từ 10 ghế đến 24 ghế (kể cả lái xe)	290
10	Xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi, xe ô tô cứu thương	250
11	Xe ba bánh và các loại phương tiện vận chuyển tương tự	110
<p>a) Những xe cơ giới kiểm định không đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phải bảo dưỡng sửa chữa để kiểm định lại những hạng mục không đạt tiêu chuẩn. Các lần kiểm định tiếp theo được thu phí như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu việc kiểm định lại được tiến hành trong 01 ngày (theo giờ làm việc) với số lần kiểm định lại không quá 02 lần thì không thu. Những xe kiểm định lại từ lần thứ 3 trở đi, mỗi lần kiểm định lại thu bằng 50% mức phí quy định tại Bảng trên. Những xe kiểm định vào buổi chiều không đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật nếu kiểm định lại trước khi kết thúc giờ làm việc buổi sáng ngày hôm sau thì được tính như kiểm định trong 01 ngày. - Nếu việc kiểm định lại được tiến hành sau 01 ngày và trong thời hạn 07 ngày (không kể ngày nghỉ theo chế độ) tính từ ngày kiểm định lần đầu, mỗi lần kiểm định lại thu bằng 50% mức phí quy định tại Biểu 1. - Nếu việc kiểm định lại được tiến hành sau thời hạn 07 ngày (không kể ngày nghỉ theo chế độ) được tính như kiểm định lần đầu. <p>* Kiểm định xe cơ giới để cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tạm thời (có thời hạn không quá 15 ngày) thu bằng 100% phí quy định tại Bảng trên.</p> <p>* Kiểm định mang tính giám định kỹ thuật, đánh giá chất lượng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân được thu với mức phí thỏa thuận nhưng không vượt quá 3 lần mức phí quy định tại Bảng trên</p> <p>b) Lệ phí cấp Giấy chứng nhận ATK&BVMT xe cơ giới (theo quy định của Thông tư số 36/2022/TT-BTC): 40.000 đồng/ 01 Giấy chứng nhận (riêng đối với xe ô tô con dưới 10 chỗ: 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận)</p>		
3.7	Quy trình xử lý công việc	

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Qua hệ thống bưu chính	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
* Với trường hợp được miễn kiểm định lần đầu				
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu theo dõi hồ sơ; + Tiến hành lập hồ sơ phương tiện + Chuyển hồ sơ phương tiện cho lãnh đạo ký duyệt + Thu phí sử dụng đường bộ + Trả Tem&GCN kiểm định cho tổ chức, cá nhân.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 45 phút ngay sau khi nhận hồ sơ	- Phiếu theo dõi hồ sơ - Tem & Giấy chứng nhận ATKT&BVM T xe cơ giới
	- Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 10 phút ngay sau khi nhận hồ sơ	Phiếu theo dõi hồ sơ
* Với trường hợp không được miễn kiểm định:				
<i>1. Trường hợp kiểm định tại Trung tâm Đăng kiểm:</i>				
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu theo dõi hồ sơ; + Thu phí kiểm định, đăng ký kiểm định - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 10 phút ngay sau khi nhận hồ sơ	Phiếu theo dõi hồ sơ

<i>2. Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị Đăng kiểm:</i>			
- Tiếp nhận hồ sơ: Đơn đề nghị của chủ xe và danh sách xe	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	1/2 ngày	
- Kiểm tra hồ sơ - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định	Phụ trách đây chuyên kiểm định	1/2 ngày	
- Trình hồ sơ cho Giám đốc/Phó giám đốc phê duyệt	Giám đốc/Phó Giám đốc	1 ngày	
- Chuyển hồ sơ cho nhân viên làm văn bản trả lời chủ xe	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	1 ngày	
Kiểm định phương tiện:			
B3	<i>1. Kiểm định tại Trung tâm Đăng kiểm</i>		- Giấy chứng nhận ATK&BVM T xe cơ giới, tem kiểm định
	- Đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra, đánh giá tình trạng ATK&BVMT của xe cơ giới: + Xe cơ giới kiểm định đạt yêu cầu: in Giấy chứng nhận, tem kiểm định + Xe cơ giới không đạt yêu cầu: in và gửi thông báo cho chủ xe những khiếm khuyết, hư hỏng để sửa chữa, khắc phục để kiểm định lại.	- Đăng kiểm viên - Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	- Giờ hành chính (Tối đa 15 phút) - Thông báo các khiếm khuyết hư hỏng của xe cơ giới

	<p>2. Kiểm định ngoài Trung tâm Đăng kiểm</p> <p>Trung tâm đăng kiểm kiểm tra, xem xét đề nghị của chủ xe, nếu đúng đối tượng theo quy định và đủ điều kiện đường thử: Chủ xe đưa xe đến địa điểm kiểm tra, Đơn vị đăng kiểm tiến hành kiểm định xe cơ giới theo trình tự và cách thức thực hiện theo quy định. Trường hợp không có kết quả kiểm tra bằng thiết bị thì để trống trên Phiếu kiểm định</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đăng kiểm viên - Nhân viên nghiệp vụ kiểm định 	Tối đa 1 ngày	- Giấy chứng nhận ATK&BVM T xe cơ giới, tem kiểm định
B4	Toàn bộ hồ sơ được trình cho Giám đốc/ Phó Giám đốc trung tâm xem xét duyệt lần cuối.	Giám đốc/Phó giám đốc Trung tâm	Tối đa 10 phút ngay sau khi kiểm tra	Giấy chứng nhận ATK&BVM T xe cơ giới, tem kiểm định
B5	Sau khi được Giám đốc/Phó Giám đốc phê duyệt, nhân viên nghiệp vụ vào Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận, Tem kiểm định, phô tô hồ sơ lưu và hoàn thiện hồ sơ, lưu trữ hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 10 phút ngay sau khi nhận hồ sơ	Giấy chứng nhận ATK&BVM T xe cơ giới, tem kiểm định
B6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và dán tem kiểm định lên phương tiện	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 10 phút	Giấy chứng nhận ATK&BVM T xe cơ giới, tem kiểm định; Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.

B7	Thống kê, theo dõi và lưu hồ sơ	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Giờ hành chính	Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.
4	BIỂU MẪU			
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Mẫu Phiếu theo dõi hồ sơ 2. Mẫu văn bản đề nghị kiểm định ngoài đơn vị 3. Mẫu Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận và Tem kiểm định. 4. Mẫu Giấy chứng nhận ATK&BVMT xe cơ giới, tem kiểm định. 			

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH NGOÀI ĐƠN VỊ

Tên tổ chức, cá nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày tháng..... năm.....

Vv đề nghị kiểm định ngoài đơn
vị đăng kiểm

Kính gửi: Đơn vị đăng kiểm

Căn cứ Thông tư số /2021/TT-BGTVT ngày...tháng...năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:; Email:

Hiện tại (tổ chức, cá nhân) có số lượng xe là:

Danh sách xe

STT	Biển số	Số khung	Số máy	Ngày hết hạn kiểm định
1	69C-12345			
2				

Đề nghị đơn vị đăng kiểm đến địa điểm: để kiểm tra xe
cho (tổ chức, cá nhân) từ ngày .../.../... đến ngày .../.../....

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Sổ theo dõi cấp phát GCN ATK&BVMT xe cơ giới đường bộ

Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà nội MS : 330.....S	SỔ THEO DÕI CẤP PHÁT GIẤY CHỨNG NHẬN, TEM KIỂM ĐỊNH Ngày.....tháng.....năm 20.....	<i>Mã số</i>	<i>BM-05-05</i>
		<i>Ngày ban hành</i>	<i>01/8/2018</i>
		<i>Lần sửa đổi</i>	<i>0</i>
		<i>Tờ số:</i>	

STT	Số phiếu kiểm định	Biển số đăng ký	Số sêri của Giấy chứng nhận, Tem kiểm định cấp cho khách hàng	Chủ xe ký nhận ấn chỉ và xác nhận các nội dung của ấn chỉ	Điện thoại chủ xe	Ghi chú

Tổng cộng:..... -Số lượt vào kiểm định:Số lượt Không đạt:

Số lượng Giấy chứng nhận và Tem kiểm định đã sử dụng (gồm cả số hỏng): số hỏng :

Số sêri hỏng:

Người lập sổ
(ký và ghi rõ họ tên)

ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu Giấy chứng nhận ATKT&BVMT xe cơ giới, tem kiểm định

BM 05-10

<p>CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT <i>Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:</i></p> <p>1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm. <i>When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.</i></p> <p>2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình. <i>When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.</i></p> <p>3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định. <i>During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.</i></p> <p>4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi. <i>When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.</i></p> <p>5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại. <i>A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.</i></p> <p>6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện. <i>A certificate of inspection should not be used as a basic for transferring vehicle.</i></p>	<p>BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM MOT – Vietnam Register</p> <p>GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS</p> <p>N_o: (số seri)</p>
--	--

(Trang bìa 1 và 4)

Chú thích: Phôi Giấy chứng nhận và Tem kiểm định

I. Phôi Giấy chứng nhận

- 1- Phát hành thống nhất; có các chi tiết chống làm giả.
- 2- Gồm 04 trang, vân nền màu vàng cấp cho xe kinh doanh vận tải, vân nền màu xanh dương cấp cho xe không kinh doanh vận tải, các trang bìa 1 và 4 được in sẵn; trang 2 và 3 do các đơn vị đăng kiểm in từ chương trình quản lý kiểm định.
- 3- Kích thước trang giấy: 148 mm x 210 mm.
- 4- Phần chữ:
 - Dòng “Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ” và số seri in màu đỏ;
 - Các dòng còn lại in màu đen.
- 5- Nội dung (1): in số lượng lốp và cỡ lốp trên từng trục nếu cỡ lốp các trục khác nhau.
- 6- Nội dung (2): vị trí in ảnh tổng thể xe cơ giới khi vào kiểm định có kích thước 80 mm x 60 mm, đối với trường hợp ô tô đầu kéo thì ảnh chụp có thể bao gồm cả sơ mi rơ moóc kéo theo khi đi kiểm định.
- 7- Nội dung (3): đơn vị đăng kiểm ghi chú những đặc điểm, thông tin khác của phương tiện nếu có.

8- Nội dung (4): dãy mã số của cơ quan quản lý để kiểm tra (tự động xuất hiện khi in Giấy chứng nhận).

9- Nội dung (5):

a) Khối lượng toàn bộ theo TK (*khối lượng toàn bộ theo thiết kế*): xác định theo tài liệu kỹ thuật.

b) Khối lượng toàn bộ CP TGGT (*khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông*), xác định như sau:

- Đối với ô tô tải các loại: Ghi Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông trên cơ sở tài liệu kỹ thuật (Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô sản xuất lắp ráp; Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu; Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo hoặc Tài liệu kỹ thuật của Nhà sản xuất). Trường hợp giá trị xác định theo tài liệu kỹ thuật lớn hơn giá trị quy định tại Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/09/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải thì ghi theo giá trị tối đa quy định tại Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT.

- Đối với các loại xe khác, ô tô tải đông lạnh: ghi theo tài liệu kỹ thuật.

10- Nội dung (6):

a) Khối lượng hàng CC theo TK (*khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế*): Xác định theo tài liệu kỹ thuật.

b) Khối lượng hàng CC CP TGGT (*khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông*), xác định như sau:

- Đối với ô tô tải các loại: ghi giá trị được xác định bằng cách lấy giá trị tại nội dung (5) trừ đi khối lượng bản thân (xác định theo tài liệu kỹ thuật) trừ đi khối lượng người được phép chở.

- Đối với các loại xe khác, ô tô tải đông lạnh: ghi theo tài liệu kỹ thuật.

11- Nội dung (7): Xác định theo tài liệu kỹ thuật. Đối với rơ moóc, sơ mi rơ moóc thì được thay thế bằng nội dung sau:

Khối lượng phân bố lên chốt kéo theo TK/CP TGGT:...../..... (kg)
(*Design/Authorized total mass distributed on kingpin*)

12- Nội dung (8):

- Đối với xe tải có kích thước lòng thùng xe khác nhau trên cùng một chiều hoặc xe tải có mui phủ thì ghi kích thước lớn nhất và bé nhất (hoặc Hc - đối với xe tải có mui phủ) như sau: D/d x R/r x C/c (Hc).

- Đối với xe khách: kích thước khoang hành lý lớn nhất.

- Đối với xe xi téc hoặc các thùng xe có kết cấu đặc biệt: kích thước bao thùng xe.

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

<p>1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)</p> <p>Biển đăng ký: Số quản lý phương tiện: <i>(Registration Number) (Vehicle Inspection No)</i></p> <p>Loại phương tiện: <i>(Type)</i></p> <p>Nhãn hiệu <i>(Mark)</i>:</p> <p>Số loại <i>(Model Code)</i>:</p> <p>Số máy <i>(Engine Number)</i>:</p> <p>Số khung <i>(Chassis Number)</i>:</p> <p>Năm, Nước sản xuất: Niên hạn sử dụng: <i>(Manufactured Year and Country) (Lifetime Limit to)</i></p> <p>Kinh doanh vận tải <i>(Commercial Use)</i>: <input type="checkbox"/> Cải tạo <i>(Modification)</i>: <input type="checkbox"/></p> <p>2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)</p> <p>Công thức bánh xe: Vết bánh xe: / (mm) <i>(Wheel formula) (Wheel Tread)</i></p> <p>Kích thước bao <i>(Overall Dimension)</i>: (mm)</p> <p>Kích thước lòng thùng xe: ⁽⁶⁾ <i>(Inside cargo Container Dimensions)</i> (mm)</p> <p>Chiều dài cơ sở <i>(Wheel base)</i>: (mm)</p> <p>Khối lượng bản thân <i>(Kerb mass)</i>: (kg)</p> <p>Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: ⁽⁶⁾ / (kg) <i>(Design/Authorized pay load)</i></p> <p>Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: ⁽⁷⁾ / (kg) <i>(Design/Authorized towed mass)</i></p> <p>Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: ⁽⁵⁾ / (kg) <i>(Design/Authorized total mass)</i></p> <p>Số người cho phép chở: chỗ ngồi: chỗ đứng: chỗ nằm: <i>(Permissible No. of Pers Carried: seats stood place laying place)</i></p> <p>Loại nhiên liệu <i>(Kind of Fuel)</i>:</p> <p>Công suất lớn nhất/tốc độ quay <i>(Max. output/rpm)</i>: Ps; Mã lực; kW/v/ph</p> <p>Thể tích làm việc của động cơ: <i>(Engine Displacement)</i>:</p> <p>Ng: (số seri)</p>	<p>Số lượng lốp/cỡ lốp/trục <i>(The Number of Tires / Tire Size / Axle)</i> ⁽¹⁾</p> <p>..... ngày .. tháng ... năm</p> <p>Số phiếu kiểm định <i>(Issued on: Day/Month/Year)</i> <i>(Inspection Report No)</i></p> <p>ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM <i>(INSPECTION CENTER)</i></p> <p>Có hiệu lực đến hết ngày <i>(Valid until)</i>:</p> <div style="border: 1px dashed black; padding: 10px; text-align: center;"> <p><i>Vị trí in ảnh xe cơ giới</i> ⁽²⁾ <i>(Image Position of Vehicle)</i></p> </div> <p>Có lắp thiết bị giám sát hành trình <i>(Equipped with tachograph)</i> <input type="checkbox"/></p> <p>Có lắp camera <i>(Equipped with camera)</i> <input type="checkbox"/></p> <p>Xe không được cấp Tem kiểm định <i>(Vehicle not issued with inspection stamp)</i> <input type="checkbox"/></p> <p>Ghi chú <i>(Notes)</i>: ⁽³⁾</p> <p>xxxxxxx ⁽⁴⁾</p>
---	---

(Trang nội dung 2 và 3)

TEM KIỂM ĐỊNH



**Tem kiểm định
dùng cho xe không kinh doanh vận tải**



**Tem kiểm định
dùng cho xe kinh doanh vận tải**

II. Tem kiểm định

- Phát hành thống nhất; có các chi tiết chống làm giả; có cùng số seri với Giấy chứng nhận.
- Hình dạng bầu dục, kích thước bao: 76 mm x 68 mm; hình bầu dục phía trong, kích thước: 60 x 52 mm.
- Mặt trước của Tem: vành ngoài màu trắng, chữ đen; phần trong hình bầu dục chữ đen và số seri Tem màu đỏ được in sẵn trên phôi. Các nội dung khác chữ đen do đơn vị đăng kiểm in.
- Phần trong hình bầu dục: nền màu vàng phía trên và xanh lá cây phía dưới cấp cho xe kinh doanh vận tải; nền màu xanh dương phía trên và xanh lá cây phía dưới cấp cho xe không kinh doanh vận tải, in chữ số của tháng và năm đến hạn kiểm định. Giữa số tháng và năm in biển số xe.
- Nội dung (9): in biển số phương tiện được cấp Tem kiểm định.
- Nội dung (10): in thời hạn hiệu lực (ngày/tháng/năm).
- Đối với xe cơ giới sắp hết niên hạn sử dụng; xe cơ giới có thể tích thùng hàng, xi téc vượt quá quy định đã được phép nhập khẩu, sản xuất lắp ráp, cải tạo; xe cơ giới được cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định có thời hạn hiệu lực 15 ngày và các trường hợp khác cần cảnh báo cho lực lượng tuần tra kiểm soát thì Đơn vị đăng kiểm đóng vạch kẻ ngang màu đỏ bên dưới số sê ri vào Tem kiểm định được cấp. Vạch kẻ ngang có chiều rộng từ 4 mm đến 5 mm.

Phụ lục 3**DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM BỊ BÃI BỎ THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ
NƯỚC CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Kèm theo Quyết định số ~~4317~~/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2023
của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)*

TT	Thứ tự Quy trình nội bộ bị bãi bỏ tại Quyết định của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên quy trình nội bộ	Ghi chú
1.	Số 01, Quy trình QT-01 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 4375/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	<p>- Thông tư số 02/2023/TT-BGTVT ngày 21/3/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;</p> <p>- Thông tư số 08/2023/TT-BGTVT ngày 02/6/2023 của Bộ trưởng Bộ GTVT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.</p>

